TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 345/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 12 – 2025
"Về tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Công Trọn

2. Ông Nguyễn Công Trường

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 407/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Kiều Văn B, sinh năm: 1995 (xin vắng mặt).

Căn cước công dân số: 096095011885, cấp ngày 14/8/2021.

Địa chỉ: Ấp L.B, xã K.B, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Chị Lý Thị Xiếu S, sinh năm: 1997 (vắng mặt).

Chứng minh nhân dân số: 366249192, cấp ngày 16/5/2017.

Địa chỉ: Ấp L.B, xã K.B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, biên bản đề nghị vắng mặt, anh Kiều Văn B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lý Thị Xiếu S xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K.B.Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau, nay là xã K.B, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, anh B cho rằng tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thường xuyên gây rỗ, cải vả, cuộc sống không còn hạnh phúc, từ đó mâu thuẫn kéo dài mà không có cách khắc phục nên anh và chị S mỗi người sống một nơi từ năm 2018 đến nay. Do đó, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lý Thị Xiếu S.

- Về con chung: Anh B xác định giữa anh và chị S có 01 người con chung là Kiều Minh H, sinh ngày 01/11/2018 hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh B xác định không có.

- Về nợ chung: Anh B khai rằng giữa anh và chị S không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

* Đối với chị Lý Thị Xiếu S vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa anh Kiều Văn B và chị Lý Thị Xiếu S là tranh chấp về ly hôn, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của chị Lý Thị Xiếu S: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia xét xử vụ án, do chị S trực tiếp nhận văn bản tố tụng và thông qua thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng chị S vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị S theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của anh Kiều Văn B, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh Kiều Văn B và chị Lý Thị Xiếu S xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cải vã, gây rỗ, dẫn đến tình cảm sức mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của anh chị, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cải vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh B và chị S tự sống riêng 06 năm để anh, chị tự dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu

quả. Thời gian này để cho anh, chị có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, anh B cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì anh cũng không thể quay lại chung sống với chị S, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh B được ly hôn chị S là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Kiều Minh H hiện nay sống chung với anh B, do anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đồng thời nguyện vọng cháu H muốn tiếp tục sống với anh B. Vì vậy, giao cháu H cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, anh B không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh B xác định không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh B khai rằng giữa anh và chị S không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Kiều Văn B về việc ly hôn chị Lý Thị Xiếu S.

2. Về con chung: Giao cháu Kiều Minh H, sinh ngày 01/11/2018 cho anh Kiều Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.Chị Lý Thị Xiếu S không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, anh Kiều Văn B phải chịu 300.000đ. Ngày 10 tháng 11 năm 2025, anh B đã nộp tạm ứng án phí

300.000đ theo biên lai số: 4315 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Anh Kiều Văn B và chị Lý Thị Xiếu S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã K.B, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải